

QUAN ĐIỂM, CHÍNH SÁCH CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC VIỆT NAM **về tín dụng chính sách xã hội**

TS TRẦN VĂN THẠCH

Học viện Chính trị khu vực III

Trong những thập niên qua, Đảng và Nhà nước Việt Nam luôn quan tâm xây dựng và tổ chức thực thi các chính sách xã hội (CSXH), coi đây vừa là mục tiêu, vừa là động lực để phát triển bền vững, ổn định chính trị - xã hội, thể hiện bản chất tốt đẹp của chế độ. Đối tượng thụ hưởng CSXH ngày càng mở rộng, mức hỗ trợ được nâng lên; nguồn lực đầu tư phát triển các lĩnh vực xã hội ngày càng lớn. Trong đó, tín dụng CSXH có vai trò quan trọng, góp phần thúc đẩy thực hiện các CSXH, bảo đảm an sinh xã hội (ASXH) ngày càng tốt hơn.

Tín dụng CSXH là một trong những chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước nhằm mục tiêu giảm nghèo bền vững, hỗ trợ vốn cho các hộ gia đình có thu nhập thấp, gia đình khó khăn để họ tự vươn lên, góp phần bảo đảm ASXH và xây dựng nông thôn mới. Với chính sách này, càng khẳng định rõ quan điểm, chủ trương của Đảng trong việc phát triển kinh tế thị trường gắn với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

1. Quan điểm của Đảng về tín dụng chính sách xã hội

Giai đoạn trước đổi mới, với cơ chế bao cấp, phân phối lợi ích trong xã hội theo nguyên tắc bình quân, chia đều, cho nên nhìn trên bề mặt xã hội ít có sự khác biệt về mức sống, điều kiện sống, lối sống giữa các nhóm dân cư. Là xã viên hợp tác xã thì ai cũng có mức thu nhập như nhau; là cán bộ công chức, viên chức nhà nước thì sự khác biệt về đời

sống giữa mọi người cũng không quá lớn. Lúc bấy giờ chỉ có một vài nhóm xã hội cần có chính sách ưu đãi và cứu trợ là nhóm người có công với nước, và nhóm già cả neo đơn hay mất sức lao động...

Cho đến trước đổi mới (1986), CSXH vẫn chưa được nhận thức đầy đủ, còn tồn tại quan niệm cho rằng CSXH chỉ là chính sách dành riêng cho những đối tượng xã hội đặc biệt, thiếu khả năng lao động cần được xã hội ưu đãi hay cứu trợ. Nhiều người còn coi CSXH chỉ đơn thuần là chính sách cứu trợ xã hội và mang tính nhất thời. Chủ thể thực hiện các chính sách cứu trợ, ưu đãi chủ yếu là Nhà nước.

Từ đổi mới đến nay, đất nước phát triển theo cơ chế thị trường đã mang tới nhiều đổi thay lớn lao, toàn diện. Kinh tế thị trường đã tạo ra sự năng động xã hội và là động lực tăng trưởng kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, kinh tế thị trường cũng dẫn tới sự phân hóa xã hội gay gắt. Những nhóm xã hội có điều kiện thuận lợi về đất đai, vốn, lao động, trình độ... và biết nắm bắt cơ may vận hội thì dễ dàng thăng tiến trong cuộc sống, họ có đời sống ngày càng giàu có; và ngược lại, cũng có những nhóm xã hội do không có đủ những điều kiện phát triển nói trên, họ trở nên yếu thế, gặp vô vàn khó khăn trong cuộc sống. Thực tế đó đặt ra cho Đảng và Nhà nước Việt Nam nhiệm vụ xây dựng và thực hiện hệ thống CSXH đồng bộ nhằm tác động điều hòa quan hệ xã hội, giải quyết các vấn đề xã hội đang đặt ra, nhằm hướng đến mục tiêu đảm bảo sự công bằng, bình đẳng xã hội, tạo điều kiện phát triển toàn diện con người.

Trong văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, lần đầu tiên khái niệm CSXH được đề cập với tư cách là một hệ thống chính sách nằm trong tổ hợp chính sách kinh tế - xã hội của quốc gia; đồng thời, cũng đặt vấn đề giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa chính sách kinh tế với CSXH. Văn kiện Đại hội VI đã xác định: “Chính sách xã hội bao trùm mọi mặt cuộc sống của con người: điều kiện lao động và sinh hoạt, giáo dục và văn hóa, quan hệ gia đình, quan hệ giai cấp, quan hệ dân tộc (...), coi nhẹ CSXH tức là coi nhẹ yếu tố con người trong sự nghiệp xây dựng CNXH”¹.

Bên cạnh các chính sách mang tính truyền thống như chính sách ưu đãi người có công, cứu trợ các nhóm xã hội yếu thế... thì từ đầu thập niên 90 của thế kỷ XX đến nay, các chính sách xóa đói, giảm nghèo bền vững, tạo việc làm, bảo trợ về y tế, giáo dục... ngày càng được chú trọng thực hiện. Trong đó các chính sách như xóa đói và giảm nghèo bền vững, giải quyết việc làm trở thành chương trình mục tiêu quốc gia. Có thể khẳng định rằng, từ sau Đại hội VI đến nay, trong các văn kiện của Đảng, CSXH luôn được coi trọng trong việc hoạch định và tổ chức triển khai thực hiện. Trong đó, việc tạo nguồn tài chính để triển khai giải quyết các vấn đề xã hội được xem là khâu đột phá, có ý nghĩa quyết định đến hiệu quả các chương trình, dự án trong thực tiễn.

Tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 5 khóa VII về tiếp tục đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, ngày 10-6-1993, Đảng ta đã đề ra chủ trương: “Phải trợ giúp người nghèo bằng cách cho vay vốn, hướng dẫn cách làm ăn, hình thành quỹ xóa đói giảm nghèo ở từng địa phương trên cơ sở giúp dân và tranh thủ các nguồn tài trợ quốc tế, phấn đấu tăng hộ giàu đi đôi với xóa đói giảm nghèo”.

Đến tháng 11 - 2014, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Chỉ thị 40-CT/TW về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng chính sách xã hội. Đến tháng 6 - 2021, Ban Bí thư Trung ương Đảng ban hành Kết luận số 06-KL/TW về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW.

Kết quả triển khai chính sách tín dụng ưu đãi đối với các đối tượng chính sách (hộ nghèo, hộ cận nghèo, dân tộc thiểu số...) trong những thập niên qua đã khẳng định vai trò quan trọng của tín

dụng chính sách trong xóa đói, giảm nghèo bền vững và khẳng định mô hình tổ chức và phương thức quản lý tín dụng CSXH đặc thù phù hợp với thực tiễn và cấu trúc hệ thống chính trị của Việt Nam, được Đảng, Quốc hội, Nhà nước và Chính phủ, các bộ, ngành trung ương ghi nhận, đánh giá cao, được cấp ủy, chính quyền địa phương các cấp và nhân dân tin tưởng, đồng tình².

“Tín dụng chính sách xã hội đã trở thành một trong những trụ cột quan trọng của Chương trình Mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững; là chính sách được triển khai rộng rãi nhất, đáp ứng một lượng lớn nhu cầu vốn cho người nghèo”³.

Với tầm quan trọng của tín dụng CSXH, ngày 22-11-2014, Ban Bí thư ban hành Chỉ thị số 40-CT/TW về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng CSXH. Chỉ thị nhấn mạnh: “Trong những năm qua, tín dụng CSXH do Ngân hàng CSXH thực hiện là một giải pháp sáng tạo, có tính nhân văn sâu sắc và phù hợp với thực tiễn của Việt Nam, góp phần quan trọng thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách, các mục tiêu, nhiệm vụ mà Đảng và Nhà nước đã đề ra về giảm nghèo, tạo việc làm, phát triển nguồn nhân lực, bảo đảm an sinh xã hội, ổn định chính trị và phát triển kinh tế, xã hội theo định hướng xã hội chủ nghĩa”⁴. Chỉ thị số 40-CT/TW cũng khẳng định phải “tập trung nguồn lực và hoàn thiện cơ chế, chính sách nhằm thực hiện hiệu quả tín dụng chính sách xã hội”⁵.

Nhất quán quan điểm đó qua các giai đoạn phát triển, đến Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII (năm 2021), Đảng ta tiếp tục nhấn mạnh: “Thực hiện tốt chính sách xã hội, bảo đảm an sinh và phúc lợi xã hội, an ninh con người, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong quản lý phát triển xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống và hạnh phúc của nhân dân”⁶. Đại hội cũng đã xác lập phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội là một trong 12 định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 - 2030, trong đó nhấn mạnh: “Tăng cường quản lý phát triển xã hội, bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội, tính bền vững trong các chính sách xã hội, nhất là phúc lợi xã hội, an sinh xã hội, an ninh con người”⁷.

Đặc biệt là Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24-11-2023, của Ban Chấp hành Trung ương Đảng

khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng CSXH, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới, đã đề ra nhiệm vụ: nhà nước cần tiếp tục huy động được sức mạnh tổng hợp của các lực lượng xã hội trong việc thực hiện phát triển xã hội, quản lý phát triển xã hội và nâng cao chất lượng CSXH, như vậy mới có thể tạo dựng một xã hội phát triển bền vững theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

2. Chính sách của Nhà nước về tín dụng chính sách xã hội

Cụ thể hóa chủ trương của Đảng, Chính phủ đã ban hành nhiều Nghị định khẳng định vai trò của tín dụng CSXH và giao cho cơ quan thực hiện chính là Ngân hàng CSXH. Xác định rõ vai trò, tầm quan trọng của tín dụng chính sách xã hội trong hệ thống an sinh xã hội Việt Nam, ngày 11-4-1992, Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) đã ban hành Nghị quyết số 120/HĐBT về chủ trương, phương hướng và biện pháp giải quyết việc làm trong các năm tới, trong đó có quy định về việc thành lập *Quỹ quốc gia về giải quyết việc làm* (nay là *Quỹ quốc gia về việc làm*) để cho vay tín dụng ưu đãi đối với cơ sở sản xuất kinh doanh nhỏ, hộ gia đình. Tiếp theo, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 525/QĐ-TTg ngày 31-8-1995 về việc thành lập *Ngân hàng Phục vụ người nghèo*, đặt trong Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, để cung cấp nguồn vốn ưu đãi cho hộ nghèo thiếu vốn sản xuất. Từ năm 1992 đến năm 2002, đối tượng mà Kho bạc Nhà nước tổ chức cho vay bao gồm: các cá nhân, hộ gia đình, nhóm gia đình, tổ hợp, doanh nghiệp ngoài quốc doanh; các cơ sở sản xuất kinh doanh của thương, bệnh binh, người tàn tật; trung tâm giáo dục, chữa bệnh, dạy nghề và tạo việc làm cho các đối tượng xã hội do các cấp có thẩm quyền quyết định thành lập.

Tiếp đến là Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04-10-2002 về *tín dụng đối với người nghèo và đối tượng chính sách khác*; Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 131/2002/QĐ-TTg về việc thành lập Ngân hàng Chính sách xã hội trên cơ sở tổ chức lại Ngân hàng Phục vụ người nghèo; Quyết định số 15/2013/QĐ-TTg ngày 23-02-2013 về *tín dụng đối với hộ cận nghèo*; Quyết định số 28/2015/QĐ-TTg ngày

21-7-2015 và Quyết định số 02/2021/QĐ-TTg sửa đổi bổ sung một số điều của Quyết định số 28/2015/QĐ-TTg về *tín dụng đối với hộ mới thoát nghèo*; Nghị định số 74/2019/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 61/2015/NĐ-CP về *chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ Quốc gia về việc làm*....

Những chính sách của Chính phủ nêu trên cho thấy, trong những năm qua, hệ thống chính sách tín dụng ưu đãi không ngừng được mở rộng và hoàn thiện, tạo điều kiện cho người nghèo và các đối tượng chính sách được tiếp cận nguồn vốn tín dụng ưu đãi của Nhà nước, tạo lập nghề nghiệp, từng bước nâng cao điều kiện sống, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện ở các vùng nghèo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Chính sách tín dụng đã đầu tư cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh, tạo sinh kế (bao gồm hỗ trợ tạo việc làm trong nước và hỗ trợ lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng). Đối tượng thụ hưởng là hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ sản xuất, kinh doanh ở vùng khó khăn, người lao động, doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, đồng bào dân tộc thiểu số... Đến nay đã giúp khoảng 30 triệu lượt khách hàng đã được vay vốn để phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm với doanh số cho vay là 611.556 tỷ đồng (chiếm 73,7% tổng doanh số cho vay). Doanh số thu nợ là 424.072 tỷ đồng (chiếm 69,3% doanh số cho vay). Đến 31-12-2022, dư nợ đầu tư cho hoạt động sản xuất kinh doanh là trên 207 nghìn tỷ đồng, chiếm 73% tổng dư nợ⁸.

Trước tình trạng thiếu vốn sản xuất, kinh doanh, tình trạng tái nghèo xảy ra ở nhiều nơi, đặc biệt là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, địa bàn bị ảnh hưởng bởi thiên tai, ngày 23-02-2013, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 15/2013/QĐ-TTg về *tín dụng đối với hộ cận nghèo* nhằm giúp hộ cận nghèo có nguồn vốn phục vụ sản xuất, kinh doanh, nhằm góp phần thực hiện chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, phòng ngừa tình trạng tái nghèo đối với các hộ gia đình vừa thoát khỏi chuẩn nghèo. Đối tượng được vay vốn là các hộ cận nghèo nằm trong danh sách hộ cận nghèo theo chuẩn hộ cận nghèo do Chính phủ quy định trong từng giai đoạn.

Ngày 21-7-2015, Thủ tướng ban hành Quyết định số 28/2015/QĐ-TTg về *tín dụng đối với hộ*

mới thoát nghèo nhằm giúp hộ mới thoát nghèo có nguồn vốn phục vụ sản xuất, kinh doanh, giúp họ thoát nghèo bền vững. Đối tượng được vay vốn là các hộ gia đình đã từng là hộ nghèo, hộ cận nghèo được ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận về thời gian kể từ khi ra khỏi danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo tối đa là 3 năm.

Để đẩy mạnh hoạt động cho vay giải quyết việc làm cũng như hỗ trợ người lao động thuộc nhóm đối tượng chính sách đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, các cơ quan Nhà nước đã ban hành một số chính sách cho vay, cụ thể: Chính sách cho vay theo Quyết định số 365/2004/QĐ-NHNN ngày 13-4-2004 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc cho vay đối với người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài; chính sách cho vay hỗ trợ giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người lao động bị thu hồi đất theo Quyết định số 52/2012/QĐ-TTg ngày 16-11-2012 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người lao động bị thu hồi đất nông nghiệp (được thay thế bằng Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg ngày 10-12-2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động bị thu hồi đất; chính sách cho vay theo Quyết định số 27/2019/QĐ-TTg ngày 09-9-2019 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với người lao động tại huyện nghèo đi làm việc ở nước ngoài đến hết năm 2020; chính sách cho vay theo Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09-7-2015 của Chính phủ về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm và Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23-9-2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm; chính sách cho vay theo Quyết định số 16/2023/QĐ-TTg ngày 01-6-2023 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện hỗ trợ cho vay để ký quỹ tại Ngân hàng CSXH đối với người lao động thuộc đối tượng chính sách đi làm việc tại Hàn Quốc theo Chương trình cấp phép việc làm cho lao động nước ngoài của Hàn Quốc; Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21-12-2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục

hành chính, cung cấp dịch vụ công. Hiện nay, các chính sách cho vay theo Nghị định số 61/2015/NĐ-CP và Quyết định số 16/2023/QĐ-TTg đang còn hiệu lực và được Ngân hàng CSXH triển khai⁹.

Để tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động tín dụng CSXH diễn ra thuận lợi, an toàn, đạt được những mục tiêu đã đề ra, Chính phủ cũng đã xây dựng, ban hành nhiều quy định, nghị định và các cấp các ngành cũng đã ban hành các thông tư, hướng dẫn nhằm thực thi hiệu quả nhất tín dụng CSXH, có thể kể đến các văn bản như Quyết định số 15/2013/QĐ-TTg ngày 23-2-2013 về tín dụng đối với hộ cận nghèo; Quyết định số 28/2015/QĐ-TTg ngày 21-7-2015 về tín dụng đối với hộ mới thoát nghèo; Các thông tư quy định chi tiết về chính sách cho vay ưu đãi lãi suất theo chương trình hỗ trợ các huyện nghèo (Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ); Quyết định số 48/2014/QĐ-TTg ngày 28-8-2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở phòng, tránh bão, lụt khu vực miền Trung; Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09-9-2015 của Chính phủ về cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng, gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015 - 2020; Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26-4-2022 về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2030, giai đoạn 1: từ năm 2021 đến năm 2025.

Nhờ nguồn vốn tín dụng CSXH, người dân trên mọi miền đất nước có cơ hội đầu tư phát triển sản xuất, tăng thu nhập, giảm nghèo bền vững, bảo đảm an sinh xã hội... Đây chính là động lực quan trọng góp phần hoàn thành các tiêu chí trong xây dựng nông thôn mới (NTM), NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu.

Tính đến ngày 30-06-2023, theo báo cáo của Ngân hàng CSXH, tổng dư nợ các chương trình tín dụng chính sách triển khai qua Ngân hàng CSXH đạt 304.431 tỷ đồng, chiếm 94% tổng nguồn vốn. Nguồn vốn tín dụng chính sách từ Ngân hàng CSXH đã hỗ trợ cho 6,5 triệu hộ vượt qua ngưỡng nghèo; thu hút, tạo việc làm cho 6,2 triệu lao động; 3,9 triệu học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn được vay vốn học tập; xây dựng 17,8 triệu công trình nước sạch và vệ sinh môi trường ở nông thôn; 105.000 căn nhà cho hộ

gia đình vượt lũ vùng Đồng bằng sông Cửu Long, 609.000 căn nhà cho hộ nghèo và các hộ gia đình chính sách; 15,5 nghìn căn nhà phòng, tránh bão, lụt khu vực miền Trung; hỗ trợ vốn mua/thuê mua 38 nghìn căn nhà ở xã hội; 146.000 lao động thuộc gia đình chính sách được vay vốn đi xuất khẩu lao động có thời hạn ở nước ngoài, cho vay trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất với số tiền 4.787 tỷ đồng để trả lương cho 1,2 triệu lượt lao động tại 1.548 doanh nghiệp; cho vay các chương trình tín dụng chính sách nhằm phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội theo Nghị Quyết 11/NQ-CP của Chính phủ: đã giải ngân để mua 89.000 máy vi tính và thiết bị học tập cho học sinh, sinh viên học trực tuyến, hỗ trợ xây dựng hơn 18 nghìn căn nhà ở xã hội, gần 211 nghìn khách hàng được giải quyết tạo việc làm, hơn 2,6 nghìn cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập, hơn 31.000 khách hàng vùng đồng bào dân tộc thiểu số được vay vốn. Qua đó có thể thấy, các chương trình tín dụng chính sách do Ngân hàng CSXH thực hiện thời gian qua có độ bao phủ lớn, nguồn lực ngày càng tăng, mang lại hiệu quả quan trọng, thiết thực, góp phần phát triển kinh tế xã hội, giảm nghèo bền vững¹⁰.

Để đảm bảo có đủ nguồn vốn thực hiện các Chương trình tín dụng CSXH, Quốc hội, Chính phủ, các bộ, ngành trung ương và chính quyền địa phương các cấp luôn quan tâm đến việc huy động các nguồn lực giúp Ngân hàng CSXH nâng cao năng lực tài chính, năng lực hoạt động, chủ động hơn trong triển khai các nhiệm vụ, các chương trình tín dụng CSXH, đáp ứng kịp thời nguồn vốn cho các đối tượng chính sách (hộ nghèo, hộ cận nghèo, dân tộc thiểu số...). Kết quả thực hiện đến ngày 30-6-2023 như sau:

+ Bố trí ngân sách trung ương cấp cho Ngân hàng CSXH 40.155 tỷ đồng (trong đó bao gồm: 23.960 tỷ đồng vốn điều lệ và 16.195 tỷ đồng cấp vốn thực hiện các chương trình tín dụng chính sách).

+ Bố trí ngân sách địa phương ủy thác sang Ngân hàng CSXH 34.527 tỷ đồng để cho vay các đối tượng chính sách trên địa bàn.

+ Tạo điều kiện cho Ngân hàng CSXH được vay một số nguồn vốn ưu đãi (như vay vốn tồn ngân của Kho bạc Nhà nước, vay từ Quỹ dự trữ

ngoại hối, vay tái cấp vốn Ngân hàng Nhà nước, vay và nhận ủy thác nước ngoài) với số dư tại thời điểm ngày 30-6-2023 là 9.356 tỷ đồng.

+ Duy trì tiền gửi của các tổ chức tín dụng Nhà nước tại Ngân hàng CSXH với tổng tiền gửi và số dư tại thời điểm ngày 30/6/2023 là 117.378 tỷ đồng¹¹.

Bên cạnh việc bố trí nguồn vốn cho Ngân hàng CSXH, từ khi thành lập đến nay, ngân sách nhà nước cũng đã bố trí 27.755 tỷ đồng để cấp bù chênh lệch lãi suất và phí quản lý cho Ngân hàng CSXH triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ được giao.

Thế chế hóa quan điểm, đường lối của Đảng, từ năm 2002, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 78/2002/NĐ-CP, ngày 04-10-2002, về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác. Thủ tướng Chính phủ tiếp tục ban hành Quyết định số 131/2002/QĐ-TTg về việc thành lập Ngân hàng CSXH trên cơ sở tổ chức lại Ngân hàng Phục vụ người nghèo.

Điều 3 của Nghị định số 78/2002/NĐ-CP đã quy định: Người nghèo và các đối tượng chính sách khác khi vay vốn không phải thế chấp tài sản; riêng hộ nghèo được miễn lệ phí làm thủ tục hành chính trong việc vay vốn. Tức là tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các tầng lớp yếu thế có điều kiện có nguồn vốn để sinh kế, cải thiện và nâng cao chất lượng cuộc sống.

Khoản 2, Điều 4 quy định: “Hoạt động của Ngân hàng CSXH không vì mục đích lợi nhuận, được Nhà nước bảo đảm khả năng thanh toán; tỷ lệ dự trữ bắt buộc bằng 0% (không phần trăm); không phải tham gia bảo hiểm tiền gửi; được miễn thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước”. Như vậy, mục đích hoạt động của tín dụng CSXH là để trợ giúp cho người nghèo và các đối tượng chính sách khác có điều kiện căn bản để họ tự vươn lên trong cuộc sống. Hay nói cách khác, Nghị định số 78/2002/NĐ-CP là nhằm góp phần thực hiện các mục tiêu chiến lược về ASXH giàu tính nhân văn, nhân bản.

Đánh giá một cách tổng thể, việc thực hiện tín dụng CSXH là một trong những chủ trương, chính sách quan trọng hướng tới mục tiêu cao cả là vì sự ấm no, hạnh phúc cho Nhân dân, củng cố và tăng cường niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa.

Xem tiếp trang 63

chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Thứ năm chăm lo thực hiện lợi ích cho Nhân dân theo nguyên tắc công bằng xã hội trong xây dựng nông thôn mới

Hiện nay, các địa phương trong tỉnh Quảng Bình đã đặt ra biện pháp thực hiện tiêu chí môi trường với tinh thần phấn đấu cao để hoàn thành. Nhân dân đã nhận thức rõ có môi trường là có sức khỏe, có sức khỏe là có lao động hiệu quả để làm kinh tế giỏi, xây dựng bản làng giàu đẹp. Xã hội hóa về đầu tư cơ sở vật chất cho cái chung cũng là lợi ích riêng cho từng gia đình để xóa nghèo tiến tới làm giàu. Nhiều xã, làng từ vùng núi xa xôi đến đồng bằng nhờ có chủ trương xã hội hóa mà nhiều huyện trong tỉnh đã có đường liên thôn, liên xã, trường học, bệnh viện, trạm xá khang trang, giúp người dân có đời sống kinh tế văn hóa tiến bộ, phát triển, chất lượng cuộc sống ngày càng tốt hơn. Ngay trong việc dồn điền đổi thửa, ban đầu nhiều người không hiểu thấu đáo,

song khi đã thực hiện, chính những người dân đã phải nói lên nhờ có chủ trương này mà họ đỡ tốn công, tiết kiệm lao động, chi phí chăm sóc ruộng đồng, có đường vận chuyển nhanh hơn, đem lại lợi ích cao hơn so với trước đây.

Kết luận

Phát huy dân chủ trong quá trình xây dựng nông thôn mới ở Quảng Bình trong thời gian tới nhất thiết cần phải được coi trọng hơn nữa, trong đó chủ thể thực hiện dân chủ, chủ thể xây dựng nông thôn mới chính là đông đảo quần chúng nhân dân; nông thôn mới sẽ là điều kiện thuận lợi trong công tác vận động nhân dân, đồng thời cũng là thành quả mà nhân dân được hưởng, từ đó tạo niềm tin vững chắc trong nhân dân. Do vậy, càng phát huy dân chủ ở cơ sở càng tạo điều kiện để xây dựng nông thôn mới thành công; nông thôn mới càng thành công, dân chủ ở cơ sở càng được phát huy, tạo ra những động lực để phát triển và phát triển bền vững của tỉnh Quảng Bình.

QUAN ĐIỂM, CHÍNH SÁCH CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC VIỆT NAM...

Tiếp theo trang 47

Từ chủ trương, chính sách xuyên suốt này của Đảng và Nhà nước, tín dụng CSXH đã trở thành một trong những công cụ quan trọng, cần thiết trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện CSXH nói riêng, thực hiện quản lý phát triển xã hội và mục tiêu phát triển bền vững nói chung.

Trên bình diện tổng thể, trong nhiệm vụ quản lý phát triển xã hội, tín dụng CSXH không chỉ là một công cụ quản lý, thúc đẩy kinh tế phát triển, mà còn nhằm xóa đói, giảm nghèo bền vững, cải thiện chất lượng cuộc sống và xây dựng một xã hội công bằng. “Tín dụng CSXH cũng là biểu hiện của truyền thống tương thân, tương ái của dân tộc Việt Nam trong thời kỳ mới; là hình thức mới linh hoạt và phù hợp để thực hiện các mục tiêu về phát triển nguồn nhân lực, và bảo đảm ổn định chính trị trật tự, an toàn xã hội, bảo đảm phát triển kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, trong đó mục tiêu phát triển là bền vững, là vì con người”¹².

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb CTQG, H, 1986.

2, 10, 11. Nguyễn Đức Chi: *Bố trí nguồn lực tài chính nhà nước để thực hiện hiệu quả các chương trình tín*

dụng chính sách xã hội; Kỷ yếu Hội thảo khoa học cấp quốc gia: *Tín dụng CSXH với vấn đề thực hiện và đảm bảo an sinh xã hội*; 2023, tr. 49.

3. Trần Quốc Vượng: *Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng chính sách xã hội*. *Tạp chí Cộng sản*, <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/chinh-tri-xay-dung-dang/-/2018/817046/tang-cuong-su-lanh-dao-cua-dang-doi-voi-tin-dung-chinh-sach-xa-hoi.aspx>, 2020.

4, 5. Ban Chấp hành Trung ương: *Chỉ thị số 40-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng chính sách xã hội*, 2014.

6, 7. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t. 1, Nxb CTQG - ST, H, 2021, tr. 47, tr. 147 - 148; tr. 47, tr. 147 - 148.

8, 9. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội: *Tín dụng chính sách xã hội đối với công tác giảm nghèo bền vững, giải quyết việc làm và đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng*; Kỷ yếu Hội thảo khoa học cấp quốc gia “Tín dụng CSXH với vấn đề thực hiện và đảm bảo an sinh xã hội”, 2023.

12. Nguyễn Thị Mai Anh: *Tín dụng chính sách xã hội trong thực hiện an sinh xã hội phục vụ quản lý phát triển xã hội và mục tiêu phát triển bền vững theo tinh thần các nghị quyết của đảng*; Kỷ yếu Hội thảo khoa học cấp quốc gia “Tín dụng CSXH với vấn đề thực hiện và đảm bảo an sinh xã hội”, 2023.